

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1267/UBND-KGVX

Kiên Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2021

V/v đề nghị hỗ trợ gạo cho người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng Bảo trợ xã hội.

Kính gửi:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ vào Công văn số 5644/VPCP-KTTH ngày 16/8/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc hỗ trợ gạo các địa phương thực hiện giãn cách xã hội.

Tỉnh Kiên Giang là một trong những tỉnh, thành phố Nam Bộ thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang diễn biến phức tạp, có 14/15 huyện, thành phố có ca dương tính với SARS-CoV-2, với nhiều ca lây nhiễm trong cộng đồng. Theo đó, các cấp, các ngành và Nhân dân trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ từ ngày 01/7/2021 đến nay và tập trung nỗ lực giải pháp quyết liệt cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Do thực hiện giãn cách xã hội, nên hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp phần lớn tạm dừng hoạt động, từ đó ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội (là những đối tượng bị ảnh hưởng rất lớn do đại dịch Covid-19, nhất là trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội) không thuộc đối tượng được hỗ trợ; trong khi điều kiện của tỉnh còn nhiều khó khăn, không thể đảm bảo việc hỗ trợ cho các đối tượng này.

Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội giảm bớt khó khăn do đại dịch Covid-19, nhất là trong thời gian tỉnh thực hiện giãn cách xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ cho tỉnh



4.556,34 tấn gạo để hỗ trợ cho 151.878 người dân gặp khó khăn trong 02 tháng (tháng 7 và tháng 8/2021) thuộc các đối tượng cụ thể như sau:

- Hộ nghèo: 8.811 hộ với 28.142 khẩu x 2 tháng x 15kg/tháng = 844.260kg.
- Hộ cận nghèo: 19.385 hộ với 71.821 khẩu x 2 tháng x 15kg/tháng = 2.154.630kg.
- Đối tượng bảo trợ xã hội 51.915 người x 2 tháng x 15kg/tháng = 1.557.450kg.

(Kèm theo Biểu tổng hợp chi tiết).

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang rất mong được sự quan tâm, xem xét, chấp thuận của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông Nguyễn Văn Hồi,
Thư trưởng Bộ LĐTĐXH;
- Tổng cục Dự trữ nhà nước (Bộ Tài chính);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Lao động - TB&XH;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP, P.KGVX, P.KT;
- Lưu: VT, tthuy, "HT".

KT .CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Lưu Trung





BIỂU TỔNG HỢP

theo Công văn số: 1267 /UBND-KGVX ngày 17 tháng 8 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Đơn vị (huyện/thành phố)	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo		Đối tượng BTXH	Số nhân khẩu hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ (2 tháng)	Mức hỗ trợ (Kg)	Số gạo hỗ trợ (Kg)
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu					
1	TP Rạch Giá	260	767	651	2.278	5.508	8.553	2	15	256.590
2	TP Hà Tiên	125	406	230	821	910	2.137	2	15	64.110
3	Châu Thành	781	2.581	1.103	4.212	4.913	11.706	2	15	351.180
4	Tân Hiệp	577	2.273	1.472	5.944	5.652	13.869	2	15	416.070
5	Giồng Riềng	931	2.484	2.704	9.506	8.196	20.186	2	15	605.580
6	Gò Quao	918	2.625	2.337	8.580	5.536	16.741	2	15	502.230
7	An Biên	696	2.483	2.918	11.543	3.667	17.693	2	15	530.790
8	An Minh	976	3.263	1.741	6.281	3.560	13.104	2	15	393.120
9	Vĩnh Thuận	578	1.892	1.527	5.690	3.264	10.846	2	15	325.380
10	U Minh Thượng	844	2.717	1.071	4.128	2.105	8.950	2	15	268.500
11	Hòn Đất	1.273	3.816	2.270	8.038	4.595	16.449	2	15	493.470
12	Kiên Lương	342	1.008	765	2.587	1.697	5.292	2	15	158.760
13	Giang Thành	387	1.493	486	1.820	712	4.025	2	15	120.750
14	TP Phú Quốc	122	333	93	347	1.296	1.976	2	15	59.280
15	Kiên Hải	1	1	17	46	304	351	2	15	10.530
	Tổng cộng	8.811	28.142	19.385	71.821	51.915	151.878	2	15	4.556.340